

Bài 2:

Bài 3: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 100m .Người ta tăng chiều dài lên $\frac{1}{3}$ chiều dài thì chu vi hình chữ nhật mới là 120m.

Tính diện tích thửa ruộng ban đầu .

Bài 4: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 100m .Người ta giảm chiều dài đi $\frac{1}{3}$ chiều dài thì chu vi hình chữ nhật mới là 80m.

Tính diện tích thửa ruộng ban đầu .

Bài 5: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 110m . Nếu tăng chiều rộng 5 m và giảm chiều dài 5 m thì diện tích thửa ruộng không thay đổi . Tính diện tích thửa ruộng

Bài 6: Một thửa đất hình vuông trên thửa đất đó người ta đào một cái ao hình vuông cạnh cái ao cách đều cạnh thửa đất . Chu vi cái ao kém chu vi thửa đất là 64 m. Tính diện tích cái ao biết diện tích phần đất còn lại là 600m^2

Bài 7: Bác An có một mảnh đất vườn chữ nhật . ở một góc vườn bác đào một cái ao hình vuông có 1 cạnh cách chiều rộng mảnh vườn 33 m còn cạnh kia cách chiều dài mảnh vườn là 17 m .Biết diện tích phần đất còn lại là 1311m^2 . Tính diện tích mảnh vườn.

Bài 8: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 200 m .chiều dài hình chữ nhật hơn 2 lần chiều rộng là 10m. Tính diện tích thửa ruộng.

Bài 9: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 160 m .chiều dài hình chữ nhật kém 2 lần chiều rộng là 10m. Tính diện tích thửa ruộng.

Bài 10: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 200 m Dọc theo chiều dài người ta ngăn thửa ruộng thành 2 thửa ruộng nhỏ .Biết 1 trong 2 thửa ruộng là hình vuông và chu vi thửa ruộng hình vuông nhỏ hơn chu vi thửa ruộng hình chữ nhật nhỏ là 20m Tính diện tích thửa ruộng ban đầu.

Bài 11: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 160 m Dọc theo chiều dài người ta ngăn thửa ruộng thành 2 thửa ruộng nhỏ .Biết 1 trong 2 thửa ruộng là hình vuông và chu vi thửa ruộng hình vuông lớn hơn chu vi thửa ruộng hình chữ nhật nhỏ là 20m Tính diện tích thửa ruộng ban đầu.

Bài 12: Một thửa ruộng hình chữ nhật có *chiều dài gấp 3 lần chiều rộng* . Nếu tăng chiều rộng 5m và giảm chiều dài 5 m thì diện tích tăng thêm 300m^2 . Tính diện tích thửa ruộng ban đầu

Bài 13: Một hình chữ nhật, nếu tăng chiều rộng để bằng chiều dài của nó thì diện tích tăng thêm 20m^2 , còn khi giảm chiều dài cho bằng chiều rộng thì diện tích giảm 16m^2 . Tính diện tích hình chữ nhật

Bài 14 Một hình chữ nhật có diện tích 135m^2 . Chiều dài bằng $\frac{3}{5}$ chiều rộng . Tính chu vi hình chữ nhật.

Bài 15: Một cái sân hình chữ nhật có chu vi 110m . Người ta tăng chiều rộng lên 5m thì sân trở thành hình vuông . tính diện tích cái sân ban đầu.

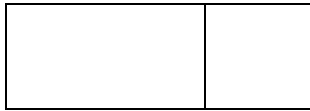
Bài 16 Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 180m nếu giảm chiều dài 10m thì mảnh vườn trở thành mảnh vườn hình vuông . Tính diện tích mảnh vườn ban đầu .

Bài 17 Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 150m . Nếu giảm chiều dài 10m và tăng chiều rộng 5m thì được một hình chữ nhật mới có chiều dài gấp 4 chiều rộng . Tính diện tích mảnh vườn.

Bài 18 Một hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 chiều rộng . Nếu tăng chiều rộng lên 24m thì được hình chữ nhật mới có chiều dài gấp 3 chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật.

Bài 19 Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài gấp 4 lần chiều rộng . Nếu tăng chiều dài 5m và giảm chiều rộng 5m thì diện tích giảm đi 256m^2 . Tính diện tích mảnh vườn.

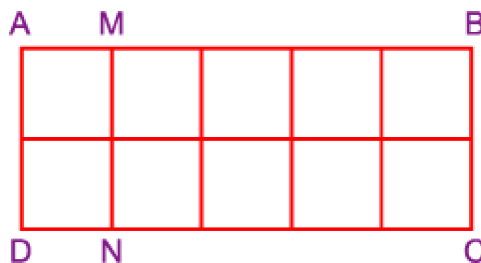
Bài 20 Một cái ao hình chữ nhật có chu vi 120m . Dọc theo chiều dài người ta ngăn cái ao thành 2 ao nhỏ (Hình vẽ). Tổng chu vi 2 ao mới tạo thành là 180m . Tính diện tích cái ao ban đầu.



Bài 21 Sân trường em hình vuông . Để tăng thêm diện tích nhà trường đã mở rộng về mỗi phía 3m thì diện tích tăng thêm là 196m^2 . Hỏi trước đây sân trường em có diện tích là bao nhiêu m^2 ?

Bài 22: Bác Hà có hai tấm kính hình chữ nhật. Chiều rộng của mỗi tấm kính bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài của nó và chiều dài của tấm kính nhỏ đúng bằng chiều rộng của tấm kính to. Bác ghép hai tấm kính sát vào nhau và đặt lên bàn có diện tích 90dm^2 thì vừa khít. Hãy tính kích thước của mỗi tấm kính đó.

Bài giải : Theo đầu bài, coi chiều rộng của tấm kính nhỏ là 1 đoạn thì chiều dài của nó là 2 đoạn như vậy và chiều rộng của tấm kính to cũng là 2 đoạn, khi đó chiều dài của tấm kính to là 4 đoạn như vậy. Nếu bác Hà ghép khít hai tấm kính lại với nhau sẽ được hình chữ nhật ABCD (hình vẽ), trong đó AMND là tấm kính nhỏ, MBCN là tấm kính to. Diện tích ABCD là 90dm^2 . Chia hình chữ nhật ABCD thành 10 hình vuông nhỏ, mỗi cạnh là chiều rộng của tấm kính nhỏ thì diện tích của mỗi hình vuông nhỏ là $90 : 10 = 9 (\text{dm}^2)$.



Ta có $9 = 3 \times 3$, do đó cạnh hình vuông là 3dm . Tấm kính nhỏ có chiều rộng 3dm , chiều dài là $3 \times 2 = 6 (\text{dm})$. Tấm kính to có chiều rộng là 6dm , chiều dài là $6 \times 2 = 12 (\text{dm})$.

Bài 23: Khu vườn hình chữ nhật có nửa chu vi 108m . Nếu giảm chiều dài 3m và tăng chiều rộng thêm 3m thì được hình vuông . Tính diện tích hình vuông.

Bài 24: Hình chữ nhật có chu vi 84m. Nếu bớt chiều rộng 5m và bớt chiều dài 7m thì được hình vuông. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật.

Bài 25: Hình chữ nhật có nửa chu vi 86m. Nếu giảm chiều dài 9m và tăng chiều rộng thêm 5m thì được hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật.

Bài 26: Hình chữ nhật có chu vi 216m. Nếu giảm chiều rộng 5m và giảm chiều dài 21m thì được hình vuông. Tính diện tích hình vuông đó.

Bài 27: Hình chữ nhật có chu vi gấp 10 lần chiều rộng. Chiều dài bằng 88m. Tính chiều rộng.

Bài 28: Hình chữ nhật có chu vi gấp 12 lần chiều rộng. Chiều dài bằng 120m. Tính diện tích hình chữ nhật.

Bài 29: Hình chữ nhật có chu vi gấp 14 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 80m. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật.

Bài 30: Hình chữ nhật có chu vi gấp 16 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 198m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 31: Hình chữ nhật có nửa chu vi 99m. Nếu tăng chiều rộng thêm 5m và giảm chiều dài đi 5m thì diện tích không thay đổi. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật.

Bài 32: Hình chữ nhật có chu vi 160m. Nếu tăng chiều rộng thêm 10m và giảm chiều dài đi 10m thì diện tích không thay đổi. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 33: Hình chữ nhật có chu vi gấp 3 lần chiều dài. Chiều rộng bằng 5m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 34: Hình chữ nhật có chu vi gấp 3 lần chiều dài. Chiều rộng kém chiều dài 5m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 35: Hình chữ nhật có chu vi 48m. Nếu tăng chiều dài 6m thì được hình chữ nhật mới có chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật ban đầu.

Bài 36: Hình chữ nhật có chu vi 64cm. Nếu giảm chiều rộng 2cm, thêm chiều dài 2cm thì được hình chữ nhật mới có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật ban đầu.

Bài 37: Trung bình cộng chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật là 18m, chiều dài hơn chiều rộng 6m. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật.

Bài 38: Trung bình cộng chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật là 32m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng 6m. Tính diện tích hình chữ nhật.

Bài 39: Hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Nếu giảm chiều rộng đi 2m và tăng chiều dài thêm 2m thì diện tích giảm đi $68m^2$. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

Bài 40: Hình chữ nhật có chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Nếu giảm chiều dài đi 3m và tăng chiều rộng thêm 3m thì diện tích tăng thêm $108m^2$. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật ban đầu.

Bài 41: Hình chữ nhật có chiều dài gấp 5 lần chiều rộng. Nếu giảm chiều rộng đi 2m và giảm chiều dài đi 2m thì diện tích giảm đi $140m^2$. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

Bài 42: Hình chữ nhật có chiều dài gấp 5 lần chiều rộng. Nếu tăng chiều dài thêm 5m và tăng chiều rộng thêm 5m thì diện tích tăng thêm 475m^2 . Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

Bài 43: Một thửa hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Tính diện tích thửa đất. Biết rằng nếu tăng chiều rộng 15m và giảm chiều dài 9m thì thửa đất trở thành hình vuông.

Bài 44: Nếu bớt một cạnh hình vuông là 7m và bớt một cạnh khác 25m thì được hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi và diện tích của hình vuông.

Bài 45: Trên một miếng đất hình vuông, người ta đào một cái ao hình vuông để thả cá. Sau khi đào xong thì diện tích còn 1280m^2 . Tính diện tích miếng hình vuông ban đầu. Biết rằng cạnh ao kém cạnh miếng đất 32m.

Bài 46: Cho hai hình chữ nhật A và B. Diện tích hình A hơn hình B là 300m^2 , chu vi hình A hơn hình B là 20m. Tính diện tích mỗi hình chữ nhật.

Bài 47: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài, nếu tăng mỗi chiều thêm 5m thì mảnh đất hình chữ nhật có diện tích mới hơn diện tích cũ là 300m^2 . Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật sau khi mở rộng.

Bài 48: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 15m, nếu tăng mỗi chiều thêm 5m thì mảnh đất hình chữ nhật có diện tích mới hơn diện tích cũ là 600m^2 . Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật ban đầu.

Bài 49: Ở chính giữa một mảnh đất hình vuông người ta đào một cái ao cũng hình vuông. Cạnh ao song song và cách đều đám đất 2m. Tính diện tích cái ao biết diện tích mảnh đất hơn diện tích cái ao là 64m^2 .

Bài 50: Tính diện tích hình chữ nhật biết 3 lần chiều rộng 2 lần chiều dài bằng 62m, 2 lần chiều rộng 3 lần chiều dài bằng 68m.

Bài 51: Một khu đất hình chữ nhật có chu vi bằng 286m. Chiều dài hơn chiều rộng 5m. Người ta mở rộng chiều dài và chiều rộng khu đất thêm một đoạn bằng nhau để được khu đất mới có chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích khu đất mới.

(Tham khảo thêm Đề thi và phần Bài tập mở rộng)

9. CÁC DẠNG TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN CHIA HẾT

Bài 1: Trong giờ tập thể dục của lớp 4a thầy giáo cho các bạn học sinh xếp hàng .lúc thì cho xếp hàng 8 ,lúc xếp hàng 6,lúc lại xếp hàng 4,hàng 3 hàng 2 vẫn thấy vừa đủ .Các bạn tính xem lớp 4a có bao nhiêu bạn biết biết số học sinh là số nhỏ hơn 48.

Bài 2: Mẹ có một số táo mẹ xếp vào đĩa .Khi xếp vào đĩa mẹ nhận thấy nếu xếp mỗi đĩa 9 quả hay 12 quả thì cũng vừa hết .Hỏi mẹ có bao nhiêu quả táo ? biết số táo lớn hơn 30 nhỏ hơn 40

Bài 3: ở một bến cảng có ba con tàu A,B,C Tàu a cứ 3 ngày cập bến 1 lần ,tàu B là 4 ngày cập bến 1 lần ,tàu C là 5 ngày .Nếu một hôm nào đó cả ba tàu cùng cập bến thì hỏi sau bao nhiêu ngày ba tàu lại cùng cập bến.

Bài 4:Trong giờ tập thể dục của lớp 4 b thầy giáo cho các bạn học sinh xếp hàng .lúc thì cho xếp hàng 8 ,lúc xếp hàng 6,lúc lại xếp hàng 4,hàng 3 hàng 2 đều thấy hàng cuối thiếu 1 người .Các bạn tính xem lớp 4b có bao nhiêu bạn .Biết biết số học sinh là số nhỏ hơn 48.

Bài 5: Trong giờ tập thể dục của lớp 4C thầy giáo cho các bạn học sinh xếp hàng .lúc thì cho xếp hàng 8, lúc xếp hàng 6, lúc lại xếp hàng 4, hàng 3 hàng 2 đều thấy thừa 1 người .Các bạn tính xem lớp 4c có bao nhiêu bạn biết số học sinh là số nhỏ hơn 48.

Bài 6 : Mẹ có một số táo mẹ xếp vào đĩa .Khi xếp vào đĩa mẹ nhận thấy nếu xếp mỗi đĩa 9 quả hay 12 quả thì đĩa cuối đều thiếu 2 quả .Hỏi mẹ có bao nhiêu quả táo ? biết số táo lớn hơn 30 nhỏ hơn 40.

Bài 7: Một ông tướng cầm quân đi dẹp giặc .Ông cho quân xếp hàng 10 thì thấy hàng cuối thiếu 1 người, thấy vậy ông lại cho quân xếp hàng 9 thì thấy hàng cuối vẫn thiếu 1 người; thế là ông lại cho quân xếp hàng 8 thì hàng cuối vẫn thiếu 1 người. Ông bèn cho xếp hàng 7;6;5;4;3;2 đều vẫn như vậy .

Tính hộ xem ông tướng có bao nhiêu quân biết số quân của ông ít hơn 5000

(Tham khảo thêm Đề thi và phần Bài tập mở rộng)

10. CÁC DẠNG TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN TỪ A SANG B ; B SANG C; C SANG ...

Bài 1: Ba kho chứa 560 tấn thóc .Nếu chuyển 30 tấn từ kho thứ nhất sang kho thứ 2 Sau đó chuyển 25 tấn từ kho thứ 2 sang kho thứ 3 rồi chuyển 12 tấn từ kho thứ 3 sang kho thứ nhất thì số thóc ở 3 kho bằng nhau .Tính số thóc mỗi kho.

Bài 2 Ba kho chứa 240 tấn thóc .Nếu chuyển 25 tấn từ kho thứ nhất sang kho thứ 2 Sau đó chuyển 35 tấn từ kho thứ 2 sang kho thứ 3 thì số thóc ở 3 kho bằng nhau .Tính số thóc mỗi kho.

Bài 3: Ba lớp 4a;4b;4c. đi trồng cây cả 3 lớp trồng được 120 .Số cây lớp 4a và 4 b trồng được là 70 cây ;số cây lớp 4b và 4c là 90 cây ;số cây lớp 4c và 4a là 80 cây . Tính số cây mỗi lớp .

(Tham khảo thêm Đề thi và phần Bài tập mở rộng)

11.CÁC DẠNG TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN SỐ THÊM BỚT TỬ SỐ MẪU SỐ ,CẢ TỬ SỐ VÀ MẪU SỐ

*** TÌM PHÂN SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA TỬ SỐ VÀ MẪU SỐ.**

VD1: Cho phân số có tổng của tử số và mẫu số là 68 Tìm phân số đó biết nếu chuyển 6 đơn vị từ mẫu số lên tử số thì phân số có giá trị bằng 1.

*** Tìm số tự nhiên a sao cho khi bớt cả tử số và mẫu số đi a đơn vị thì ta được phân số mới . (Hiệu sẽ không thay đổi dựa vào hiệu để giải)**

VD2: Cho phân số $\frac{35}{45}$.Tìm số tự nhiên a sao cho khi ta bớt cả tử số và mẫu số đi a đơn vị thì ta được phân số $\frac{2}{3}$.

***Tìm số tự nhiên a sao cho khi thêm cả tử số và mẫu số a đơn vị thì ta được phân số mới .(Hiệu sẽ không thay đổi dựa vào hiệu để giải)**

VD3: Cho phân số $\frac{17}{25}$.Tìm số tự nhiên a sao cho khi ta bớt cả tử số và mẫu số đi a đơn vị thì ta được phân số $\frac{2}{3}$.

-Tìm số tự nhiên a sao cho khi thêm (hoặc bớt) tử số đi a đơn vị ta được phân số mới .(Mẫu số không đổi cần dựa vào mẫu số để giải)

VD 4: Cho phân số $\frac{34}{90}$.Hỏi phải bớt tử số bao nhiêu đơn vị để được phân số có giá trị bằng $\frac{1}{5}$

*Tìm số tự nhiên a sao cho khi *thêm hoặc bớt mẫu số a đơn vị* ta được phân số mới. (Từ số không đổi cần dựa vào tử số để giải)

BÀI TẬP

1. Cho phân số $35/54$ Hỏi phải *bớt tử số đi bao nhiêu đơn vị* để được phân số $5/9$.

2. Cho phân số $15/54$ Hỏi phải *bớt mẫu số đi bao nhiêu đơn vị* để được phân số $3/10$.

* Chuyển từ tử số xuống mẫu số a đơn vị (hoặc mẫu số lên tử số a đơn vị thì phân số có giá trị...) *Tổng của tử số và mẫu số không thay đổi dựa vào tổng để giải.*

Ví dụ : Cho phân số $13/47$ Hỏi phải chuyển bao nhiêu đơn vị từ tử số xuống mẫu số để được phân số $1/5$.

CHÚ Ý: Dạng bài này cần xác định hiệu của tử số và mẫu số (Lưu ý khi có cụm từ phân số bằng 1 nghĩa là tử số bằng mẫu số)

Bài 1: Cho phân số có *tổng của tử số và mẫu số là 68* Tìm phân số đó biết nếu chuyển *6 đơn vị từ mẫu số lên tử số thì phân số có giá trị bằng 1*.

Bài 2. Cho phân số $35/54$ Hỏi phải *bớt tử số đi bao nhiêu đơn vị* để được phân số $5/9$.

Bài 3. Cho phân số $26/45$. Hãy tìm số tự nhiên c sao cho thêm c vào tử số và giữ nguyên mẫu số, ta được phân số mới có giá trị bằng $2/3$.

Bài 4. Cho phân số $25/37$. Hãy tìm số tự nhiên c sao cho đem mẫu số của phân số đã cho trừ đi c và giữ nguyên tử số ta được phân số mới có giá trị bằng $5/6$.

Bài 5.

Cho phân số a/b có $b-a = 21$. Phân số a/b sau khi rút gọn thì được phân số $16/23$. Tìm phân số a/b .

Bài 6. Cho phân số $33/21$. Hỏi cùng phải *bớt đi ở cả tử số và mẫu số một số là bao nhiêu* để được một phân số mới có giá trị bằng $5/3$.

Bài 7. Cho phân số $37/128$. Hãy tìm số tự nhiên a sao cho khi *bớt a ở tử số và thêm a vào mẫu số* ta được phân số mới có giá trị bằng $2/9$.

Bài 8. Cho phân số $39/69$. Hãy tìm số tự nhiên m , sao cho thêm m vào cả tử số và mẫu số thì được phân số mới có giá trị bằng $3/5$.

Bài 9. Cho phân số $234/369$. Hỏi phải cùng *bớt ở tử số và mẫu số bao nhiêu đơn vị* để được phân số mới và rút gọn phân số mới đó, ta được phân số $5/8$.

Bài 10. Cho phân số a/b có $a + b = 136$. Rút gọn phân số a/b thì được phân số $3/5$. Tìm phân số đã cho.

Bài 11. Cho phân số a/b có hiệu giữa mẫu số và tử số là 18. Sau khi rút gọn phân số a/b ta được phân số $5/7$. Tìm phân số a/b .

Bài 12. Cho phân số m/n có giá trị bằng phân số $6/7$. Nếu giảm tử số đi 12 đơn vị thì được phân số mới có giá trị bằng phân số $36/49$. Tìm phân số m/n đã cho.

Bài 13. Hãy tìm 6 phân số tối giản ở giữa $1/5$ và $3/8$.

Bài 12. a, Viết các phân số sau theo thứ tự tăng dần: $3/4; 5/6; 7/8$

b, Hãy tìm 5 phân số có tử số chia hết cho 5 và nằm giữa $9/10$ và $11/13$.

Bài 14. Viết các phân số sau thành tổng của các phân có mẫu số khác nhau và có tử số đều bằng 1: a, $31/32$; b, $25/27$.

Bài 15.: Hãy phân tích các phân số sau đây thành tổng của 3 phân số tối giản có cùng mẫu số:

a, 13/36

b, 31/60

Bài 16. Tìm tổng của các phân số có tử số là 3, lớn hơn 1/6 nhưng bé hơn 1/5

(Tham khảo thêm Đề thi và phần Bài tập mở rộng)

12. CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN DÃY SỐ THEO QUY LUẬT

* DÃY SỐ TỰ NHIÊN

Một số quy luật của dãy số

-0;1;2;3;4..... dãy số tự nhiên liên tiếp.

$$\text{Số thứ } \boxed{n = n-1}$$

-0;2;4;6.....dãy số chẵn.

$$\text{Số thứ } n = \boxed{(n-1) \times 2}$$

-1;3;5;7.....Dãy số lẻ.

$$\text{Số thứ } n = \boxed{n \times 2 - 1}$$

-1;2;3;5;8.....vv.....

Ta có : $3=1+2$

$$5=3+2$$

$$8=5+3$$

$$13=8+5$$

Tổng 2 số trước bằng số đứng sau kể từ số thứ 3.

*1;4;9;16;25....v..v.....

Ta có:

$$1=1 \times 1$$

$$4=2 \times 2$$

$$9=3 \times 3$$

Số đó bằng số thứ tự nhân với chính nó.

-Số thứ 100 là : $100 \times 100 = 10000$

$$\text{Số thứ } n = \boxed{n \times n}$$

*1;4;7;10;13...vvv Dạng này thường có các yêu cầu:

- Tính tổng của 50 số đầu.(Tìm số đầu ,số cuối và ghép cặp;tìm số cặp ;giá trị 1 cặp rồi chuyển thành phép nhân)

-Cho các số và xem số đó có thuộc dãy đó không.

Ta có : $1:3 = 0 \text{ dư } 1$

$$4:3 = 1 \text{ dư } 1$$

$$7:3 = 2 \text{ dư } 1$$

Các số chia cho 3 có số dư là 1

Dem số yêu cầu chia nếu cùng giống thì kết luận có thuộc dãy số không.

-Tìm số thứ n của dãy số.

-Cách tìm các số dựa vào số thứ tự

Ta có :

$$1=(1-1) \times 3+1$$

$$4=(2-1) \times 3+1$$

$$7=(3-1) \times 3+1$$

$$10=(4-1) \times 3+1$$

Ta có số đó bằng số thứ tự trừ 1 nhân 3 cộng 1.

Số thứ 100 của dãy số là

$$(100-1) \times 3+1=298$$

$$\boxed{\text{Số thứ } n = (n-1) \times 3 + 1}$$

+ Ví dụ : Cho các số 1;4;7;10;.....

a.Số 2221;2234 có thuộc dãy số đó không ?

b.Số thứ 134 ,số thứ 205 là số nào ?

c.Tính tổng của 50 số đầu của dãy số.

Bài giải

a.Ta có : $1:3=0$ dư1

$$4:3=1$$
 dư1

$$7:3=2$$
 dư1

Các số thuộc dãy số chia cho 3 dư 1

2221: 3=740 dư1 vậy số 2221 thuộc dãy số.

-2234:3=778 không thuộc dãy số.

b

số đứng thứ 1: $1=(1-1) \times 3+1$

số đứng thứ 2: $4=(2-1) \times 3+1$

số đứng thứ 3: $7=(3-1) \times 3+1$

số đứng thứ 4: $10=(4-1) \times 3+1$

Ta có số đó bằng số thứ tự trừ 1 nhân 3 cộng 1.

Số thứ 134 là $(134-1) \times 3+1$

Số thứ 205 là $(205-1) \times 3+1$

c.

Tính tổng của 50 số đầu

Ta có : số thứ 50 là: $(50-1) \times 3+1=148$

1;4;7;10;13.....145;148.

Ghép thành các cặp $(1+148)+(4+145)+\dots$

Số cặp là $50:2=25$ (cặp)

Mỗi cặ có giá trị là 149

Vậy tổng trên là : $149 \times 25 = 3725$

* DÃY PHÂN SỐ

13. CÁC DẠNG TOÁN KHỦ

Bài 1: Mua 3 lọ mực và 4 cái bút hết 25000 đồng .

Mua 5 lọ mực và 4 cái bút hết 31000 đồng .

Tính giá tiền mỗi loại.

Bài 2: Minh mua 5 quyển vở và 8 quyển sách hết 75500 đồng.

Tâm mua 3 quyển sách và 10 quyển vở hết 73000 đồng

Tính giá tiền mỗi loại.

Bài 3: Mua 3 m vải hoa và 7 m vải xanh hết 370 000 đồng

Mua 4 m vải hoa và 5 m vai xanh phải trả 320 000 Đồng.

Tính giá tiền 1m vải mỗi loại.

Bài 4: Minh mua 5 quyển vở và 8 quyển sách hết 42000 đồng.

Biết một quyển sách có giá gấp 2 lần 1 quyển vở.

Tính giá tiền mỗi loại

14. BÀI TOÁN GIẢ THIẾT TAM

Vừa gà vừa chó

Bó lại cho tròn

Ba mươi sáu con

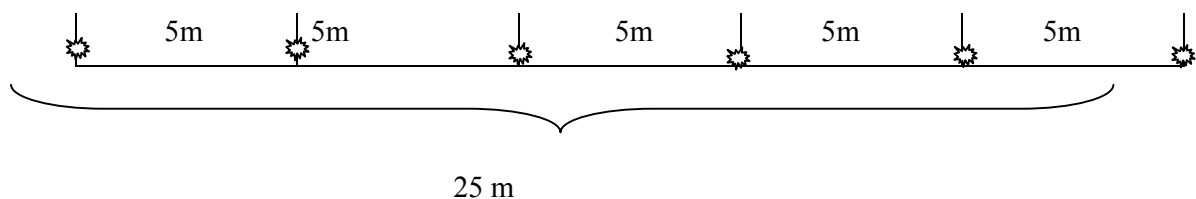
Một trăm chân chẵn

Hỏi có bao nhiêu gà bao nhiêu chó?

15. CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUA TRỒNG CÂY

-Trồng trên đường thẳng

- Trồng cả 2 đầu (Khoảng cách chia cho khoảng cách giữa các cây cộng 1).



$$\text{Số cây} = (25 : 5) + 1$$

-Trồng 1 Đầu (Hoặc 1 cây loại khác) Khoảng cách chia cho khoảng cách giữa các cây.

$$\text{Số cây} = (25 : 5)$$

-Không trồng 2 đầu (Hoặc 2 cây loại khác) (Khoảng cách chia cho khoảng cách giữa các cây trừ 1).

$$\text{Số cây} = (25 : 5) - 1$$

-Trồng trên đường khép kín) Khoảng cách chia cho khoảng cách giữa các cây.

$$\text{Số cây} = (25 : 5)$$

--	--	--	--	--

16. MỘT SỐ BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ SỐ-LẬP TỈ SỐ- NHÓM

Bài 1 : Một trường tiểu học có 560 học sinh và 25 thầy cô giáo .Biết cứ có 3 học sinh nam thì có 4 học sinh nữ và cứ có 2 thầy giáo thì có 3 cô giáo .Hỏi trường đó có bao nhiêu nam ,bao nhiêu nữ?

Bài 2

a) Nhân dịp đầu xuân khối 4 trường tiểu học Nga Điền tổ chức trồng cây. Cả 3 lớp trồng được 230 cây .Tìm số cây mỗi lớp biết cứ lớp 4a trồng được 3 cây thì 4b trồng được 2 cây . Cứ lớp 4b trồng được 3 cây thì lớp 4c trồng được 4cây.

b) Đường từ nhà Lan đến trường dài 3 km dọc theo 2 bên đường người ta trồng cây *cứ 1 cây phi lao lại đến 1cây phi lao nữa đến cây bạch đàn rồi đến 1 cây xoan*. Mỗi cây cách nhau 20 m .Hỏi trồng mỗi loại có bao nhiêu cây biết trồng cả 2 đầu đường .(Nên dùng nhóm)

(Tham khảo thêm Đề thi và phần Bài tập mở rộng)

17. MỘT SỐ BÀI TOÁN GIẢI NGƯỢC TỪ CUỐI

Bài 1: Lan có một số nhãn vở .Lan tặng Mai $\frac{1}{2}$ số nhãn vở và 1chiếc .Lan tặng Hoà $\frac{1}{2}$ số nhãn vở còn lại và 2 chiếc .Lan tặng Nga $\frac{1}{2}$ số nhãn vở còn lại sau 2 lần và 3 chiếc .Cuối cùng Lan còn lại 6 chiếc cho Minh .Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu nhãn vở ,và tặng mỗi bạn bao nhiêu nhãn vở.

Bài 2, Một bà đem trứng đi chợ bán .Lần đầu bà bán $\frac{1}{2}$ số trứng và $\frac{1}{2}$ quả trứng .Lần 2 bà bán $\frac{1}{2}$ số trứng còn lại và $\frac{1}{2}$ quả trứng .Lần thứ 3 bà bán $\frac{1}{2}$ Số trứng còn lại sau 2 lần đầu và $\frac{1}{2}$ quả trứng nữa **thì vừa hết** . Hỏi bà đem ra chợ bán bao nhiêu quả trứng.

Bài 3: Mai có một số bông hồng ,Mai tặng Nga $\frac{1}{2}$ số hoa Mai có .Tặng Đào $\frac{1}{2}$ số còn lại .**Cuối cùng Mai còn 7 Bông dành cho mình** .Hỏi Mai đã tặng mỗi bạn bao nhiêu bông hoa.

(Tham khảo thêm Đề thi và phần Bài tập mở rộng)

18. DANG TOÁN CÔNG VIỆC

Bài 1:Bác An làm một công việc hết 8 giờ .Bác Bình cũng công việc ấy hết 5 giờ .Hỏi nếu 2 bác cùng làm công việc ấy thì sau bao nhiêu giờ sẽ hoàn thành?

Bài 2: Nếu bể không có nước vòi thứ nhất chảy trong 3 giờ sẽ đầy bể. Nếu bể không có nước vòi thứ 2 chảy trong 5 giờ sẽ đầy bể .Hỏi nếu bể không có nước cùng 1 lúc cho cả 2 vòi chảy thì trong bao lâu sẽ đầy bể?

Bài 3: Bác Minh làm Một công việc hết 8 giờ .Bác Tâm cũng công việc ấy làm hết 5 giờ . **Đầu tiên bác Minh làm một mình** sau khi làm được 4 giờ thì bác Tâm đến làm cùng với bác Minh .Hỏi sau bao nhiêu lâu nữa thì hai bác làm xong công việc đó?

Bài 4: Bác An làm một công việc hết 8 giờ .Bác Bình cũng công việc ấy hết 5 giờ .Lúc đầu 2 bác cùng làm nhưng sau khi làm được 3 giờ do bận công việc nên bác Bình phải đi làm việc khác .Hỏi bác An còn phải làm bao lâu nữa mới hoàn thành công việc ?

Bài 5: Nếu bể không có nước vòi thứ nhất chảy trong 4 giờ sẽ đầy bể. Nếu bể không có nước vòi thứ 2 chảy trong 5 giờ sẽ đầy bể .Khi bể không có nước người ta cho 2 vòi cùng chảy vào bể sau khi chảy được 2 giờ người ta tắt vòi thứ nhất để vòi thứ 2 chảy tiếp .Hỏi sau bao nhiêu thời gian nữa thì bể đầy nước?

(Tham khảo thêm Đề thi và phần Bài tập mở rộng)

PHẦN 2: CÁC ĐỀ THI LUYỆN TẬP

ĐỀ LUYỆN TẬP 1

Bài 1. Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $\frac{3}{7} : 3 + 5 \times \frac{2}{7} =$

b) $\frac{9}{5} - (\frac{3}{4} - \frac{1}{9}) =$

Bài 2. Tìm X:

a) $\frac{4}{7} + X = \frac{7}{8} - \frac{1}{4}$

b) $\frac{x}{30} = \frac{2}{5}$

Bài 3. Tìm 7 số lẻ liên tiếp biết trung bình cộng của chúng là 2875 ?

Bài 4. An thực hiện một phép nhân có thừa số thứ hai là 36, do sơ ý nên An đó viết tích riêng thẳng cột như phép cộng nên được kết quả sai là 3258. Tìm tích đúng của phép nhân?

Bài 5. Một hình chữ nhật có chu vi là 56 cm. Nếu bớt chiều dài 4cm và thêm vào chiều rộng 4 cm thì trở thành hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

ĐÁP ÁN

Bài 1: 2đ, đúng mỗi bài cho 1đ.

a) $\frac{11}{7}$ b) $\frac{209}{180}$

Bài 2: 2đ, đúng mỗi bài cho 1đ.

a) $X = \frac{3}{56}$ b) $X = 12$

Bài 3: 2đ, 7 số lẻ cần tìm có trung bình cộng là số chính giữa là 2875. Vậy các số đó là: 2869; 2871 ; 2873; 2875; 2877; 2879; 2881.

Bài 4: 2đ. Do viết tích riêng thẳng cột như phép cộng nên tích sai sẽ là $3 + 6 = 9$ lần thừa số thứ nhất. Vậy thừa số thứ nhất là: $3258 : 9 = 362$.

Tích đúng cần tìm là: $362 \times 36 = 13\ 032$

Bài 5: 2đ. Khi bớt chiều dài 4cm và thêm vào chiều rộng 4cm thì chu vi vẫn không thay đổi. Suy ra cạnh hình vuông là: $56 : 4 = 14$ (cm)

Chiều dài hình chữ nhật là: $14 + 4 = 18$ (cm)

Chiều rộng hình chữ nhật là: $14 - 4 = 10$ (cm)

Diện tích hình chữ nhật là: $18 \times 10 = 180$ (cm²)

ĐỀ LUYỆN TẬP 2

Bài 1: Tìm y:

a) $5,4 - y + 2,7 = 1,05$ $y + y \times \frac{1}{3} : \frac{2}{9} + y : \frac{2}{7} = 252$

b) **Bài 2:** Cho biểu thức $A = \frac{2008 - 1508 : (a - 15)}{316 + 6,84 : 0,01}$

Tìm giá trị số tự nhiên của a để biểu thức A có giá trị lớn nhất, giá trị lớn nhất đó của A là bao nhiêu ?

Bài 3: Tính nhanh

a. $\frac{0,18 \times 1230 + 0,9 \times 4567 \times 2 + 3 \times 5310 \times 0,6}{1 + 4 + 7 + 10 + \dots + 52 + 55 - 414}$

b. $9,8 + 8,7 + 7,6 + \dots + 2,1 - 1,2 - 2,3 - 3,4 - \dots - 8,9$

Bài 4 : Có ba vòi chảy vào bể nước. Vòi thứ nhất chảy một mình trong 10 giờ thì đầy bể; vòi thứ hai chảy trong 5 giờ thì đầy bể; vòi thứ ba chảy trong 6 giờ thì đầy bể. Hỏi:

a. Một giờ cả 3 vòi chảy được mấy phần bể nước?

b. Nếu cả 3 vòi cùng chảy thì sau bao nhiêu lâu sẽ đầy bể?

Bài 5: Một trường Tiểu học có một mảnh đất hình chữ nhật. Nếu chiều dài tăng thêm 4m, chiều rộng tăng thêm 5m thì diện tích tăng thêm 250m². Nếu chỉ có chiều rộng tăng thêm 5m thì diện tích tăng thêm 150m².

a) Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.

b) $\frac{2}{5}$ diện tích mảnh đất trồng hoa, diện tích đất còn lại trồng cây cảnh. Hỏi diện tích trồng cây cảnh

chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích mảnh đất?

ĐỀ LUYỆN TẬP 3

Bài 1. (2 điểm)

a/ Tìm chữ số tận cùng trong phép tính sau bằng cách nhanh nhất (nờu rừ cách làm)

$$2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6 + 42 : 7$$

b/ Không quy đồng, Hãy so sánh hai phân số sau: $\frac{13}{27}$ và $\frac{7}{15}$

Bài 2. (2 điểm). Chia số A cho 26 được số dư là 17. Số A phải trừ đi bao nhiêu để phép chia không còn dư và thương giảm đi 1.

Bài 3. (2 điểm). Cho phân số $\frac{12}{37}$. Tìm một số tự nhiên để khi cộng số đó vào tử số và mẫu số của phân số thì được phân số $\frac{3}{8}$.

Bài 4. (2 điểm). Bác Nam có một thửa đất, bác dự tính một nửa số đất bác làm ao cá, $\frac{1}{2}$ diện tích cũn lại bở trồng khoai, $\frac{3}{4}$ số đất trồng cải thì diện tích cũn lại là 200m^2 . Hỏi thửa đất của bác Nam có diện tích là bao nhiêu một vụng ?

Bài 5. (2 điểm). Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích khu đất, biết rằng nếu giảm chiều dài đi 5m, tăng chiều rộng 5m thì diện tích tăng thêm 225m^2 .

ĐÁP ÁN

Bài 1.a/ $2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6 + 42 : 7$

Xét tích : $2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6$ ta thấy có thừa số 5 và có ốt nhất một thừa số chẵn.

Do đó, tích $2 \times 3 \times 4 \times 5 \times 6$ là số chẵn trũn chục.

Vậy chữ số tận cùng của phép tính trên chính là thương của $42 : 7 = 6$.

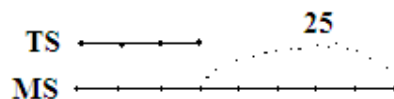
1.b/ Ta cũn nhân mỗi phân số với 2. $\frac{13}{27} = \frac{26}{27}$; $\frac{7}{15} = \frac{14}{15}$

Vi $\frac{1}{27} < \frac{1}{15}$ nên $\frac{26}{27} > \frac{14}{15}$ hay $\frac{13}{27} > \frac{7}{15}$.

Bài 2. Để phép chia cũn dư thì A phải trừ số dư, để thương giảm đi 1 thì phải trừ đi một lần số chia. Vậy để phép chia không dư và thương giảm đi 1 thì A phải trừ $(17 + 16)$ đơn vị.

Bài 3. Hiệu mẫu số và tử số là $37 - 12 = 25$. Khi cộng một số vào mẫu số và tử số thì hiệu không thay đổi.

Ta có sơ đồ sau:



Tử số mới là $25 : 5 \times 3 = 15$.

Vậy, số cần Tim là: $15 - 12 = 3$.

Bài 4. Bài giải:

Phân số chỉ diện tích đất trồng cũn lại 200m^2 sau khi trồng cải là $1 - \frac{3}{4} = \frac{1}{4}$

Diện tích đất cũn lại sau khi trồng khoai là: $200 : \frac{1}{4} = 800 (\text{m}^2)$

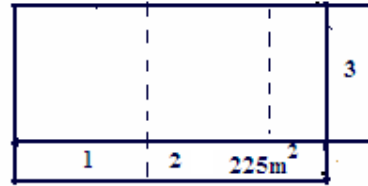
Diện tích đất sau khi đào ao cá là: $800 \times 2 = 1600(\text{m}^2)$

Diện tích của thửa đất là: $1600 \times 2 = 3200(\text{m}^2)$

Bài 5. Bài giải:

Theo bài ra ta có :

Diện tích Hình 1 bằng diện tích Hình 3,
diện tích tăng thêm chính là diện tích Hình 2,
và bằng 225 m^2



Chiều rộng khu vườn là: $(225 : 5 + 5) : 2 = 25\text{m}$.

Chiều dài khu vườn là: $25 \times 3 = 75\text{m}$.

Diện tích khu vườn là: $25 \times 75 = 1875\text{m}^2$

ĐỀ LUYỆN TẬP 4

Bài 1: Tìm X:

a) $(26 \times X + 1392) \times 15 = 25950;$

b) $24 \times X : 12 + 1987 = 2029.$

c) $2010 + X + X - X - \dots - X = 1920$ (trong đó có 10 chữ X)

Bài 2: Tính nhanh:

a) $1 + 4 + 7 + \dots + 151 + 154;$

b) $1 + 2 + 4 + 8 + \dots + 256 + 512;$

Bài 3: Tìm số có ba chữ số. Biết rằng số đó chia hết cho 15 và khi đọc ngược hay đọc xuôi thì số đó không thay đổi về giá trị.

Bài 4: Cho hình chữ nhật có chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó, biết rằng nếu ta tăng chiều dài và chiều rộng mỗi chiều 2m thì được một hình chữ nhật mới có diện tích tăng thêm 46m^2 .

Bài 5: Trên một mảnh đất hình vuông, người ta đào một cái ao cũng hình vuông. Cạnh của mảnh đất hơn cạnh ao 18 m. Diện tích đất còn lại để trồng rau là 468 m^2 . Tính chu vi mảnh đất.

ĐỀ LUYỆN TẬP 5

Bài 1: Tính nhanh:

a) $2 + 5 + 8 + \dots + 155 + 158;$

b) $75 \times 89 + 25 \times 27 + 2 \times 75;$

c) $77 \times 27 + 9 \times 24 + 15 \times 27;$

Bài 2:

Trong một phép chia có thương là 4 dư 3. Tổng của số chia, số bị chia và số dư là 91. Tìm số bị chia và số chia trong phép chia đó.

Bài 3:

Lan mua 3 quyển sách và 6 quyển vở hết tất cả 44400 đồng. Hôm sau Huệ mua 4 quyển sách và 5 quyển vở như thế hết tất cả 46600 đồng. Tính giá tiền mỗi quyển sách? Mỗi quyển vở ?

Bài 4:

Cho hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó, biết rằng nếu ta tăng chiều rộng 3 m đồng thời giảm chiều dài 3 m thì diện tích của nó tăng thêm 29 m².

Bài 5:

Khi nhân một số tự nhiên với 54. Bạn An đã viết nhầm số 54 thành số 45 nên kết quả phép tính bị giảm đi 702 đơn vị. Em hãy tìm thừa số kia và thực hiện lại phép tính giúp bạn An

ĐỀ LUYỆN TẬP 6

Bài 1: Tính nhanh:

a) $1 + 3 + 9 + 27 + 6561 + 19683$;

b) $876 - 42 - 76 + 242$;

c) $(1 + 2 + 3 + \dots) \times (25 \times 3 - 75) + 75$;

Bài 2: Tìm X:

a) $970 - X + X + X + \dots + X = 1874$ (trong đó có 10 chữ X)

b) $(5 + X) + (7 + X) + (9 + X) + \dots + (101 + X) + (103 + X) = 2850$;

Bài 3:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu ta viết thêm chữ số 0 xen giữa hai chữ số của nó ta được số mới gấp 6 lần số cần tìm .

Bài 4:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu ta viết chónh số đó xen giữa hai chữ số của nó thì ta được số mới gấp 66 lần số cần tìm .

Bài 5:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu ta viết thêm vào bên phải và bên trái số đó mỗi bên một chữ số 2 thì được một số mới gấp 36 lần số cần tìm.

ĐỀ LUYỆN TẬP 7

Bài 1:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng nếu ta viết thêm vào bên phải số đó chữ số 5 thì được số mới hơn số cần tìm 662 đơn vị.

Bài 2:

Hãy viết thêm hai chữ số vào bên phải số 772 để được một số có 5 chữ số chia hết cho 2, 5 và 9.

Bài 3:

Tìm số có hai chữ số. Biết rằng số đó chia hết cho 9 cũn khi chia số đó cho 5 thì dư 2.

Bài 4:

Cho hình chữ nhật có chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó, biết rằng nếu ta tăng chiều dài và chiều rộng mỗi chiều 3 m thì được một hình chữ nhật mới có diện tích hơn hình chữ nhật ban đầu 72 m^2 .

Bài 5:

Tìm số có hai chữ số, biết rằng số đó gấp 4 lần tổng các chữ số của nó.

Bài 6:

Hiện nay tổng số tuổi con và tuổi bố 32 tuổi và tuổi bố gấp 7 lần tuổi con. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tuổi bố gấp 4 lần tuổi con.

ĐỀ LUYỆN TẬP 8

Bài 1:

Một nhóm người gồm 8 học sinh và cô giáo. Tuổi trung bình cộng của cả nhóm là 11. Nếu không kể cụ già thì tuổi trung bình cộng của 8 học sinh là 9 tuổi. Tính tuổi cụ già.

Bài 2:

Hãy viết thêm 2 chữ số vào bên phải số 356 để được một số có 5 chữ số vừa chia hết cho 2 và 45.

Bài 3: Cho hình chữ nhật có chu vi gấp 8 lần chiều rộng và có chiều dài 18 m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 4:

Hồng có 15 bông hoa, Bình có số hoa bằng $\frac{4}{3}$ của Hồng, Huệ có số hoa nhiều hơn trung bình cộng của ba bạn 3 bông hoa. Hỏi Huệ có bao nhiêu bông hoa?

Bài 5:

Khi thực hiện phép nhân một số có ba chữ số với 27, Bạn Lan thực hiện như sau:

a) Bạn Lan thực hiện sai ở chỗ nào ?

b) Em hãy tìm thừa số thứ nhất và thực hiện lại phép tính.

* * *

x 27

* * * *

* * *

2475

ĐỀ LUYỆN TẬP 9

Bài 1: Tích sau có chữ số tận cùng là chữ số nào:

a) $3 \times 13 \times 23 \times 33 \times \dots \times 2003$;

b) $9 \times 19 \times 29 \times 39 \times \dots \times 2009$;

Bài 2:

Cho hình chữ nhật có diện tích 486 m^2 . Tính chu vi hình chữ nhật đó biết tổng chiều dài và chiều rộng gấp 5 lần hiệu chiều dài và chiều rộng.

Bài 3:

Khi thực hiện phép nhân một số có ba chữ số với 36, Bạn Lan thực hiện như sau:

a) Bạn Lan thực hiện sai ở chỗ nào ?

b) Em Hãy Tìm thừa số thứ nhất và thực hiện lại phép tính .

* * *

$$\begin{array}{r} \times \quad 36 \\ \hline \end{array}$$

* * *

* * *

$$1125$$

Bài 4:

Cho số tự nhiên $A = 444\dots444$ (gồm 10 chữ số 4). Hỏi A chia cho 15 dư bao nhiêu ?

Bài 5:

Cho hình chữ nhật có chu vi gấp 3 lần chiều dài và có chiều rộng 7 m. Tính diện tích hình chữ nhật

ĐỀ LUYỆN TẬP 10

Bài 1: Số thứ nhất bằng $\frac{4}{7}$ số thứ hai. Tìm hai số đó?. Biết rằng nếu viết thêm vào số thứ nhất 342 đơn vị và thêm vào số thứ hai 105 đơn vị thì hai số bằng nhau.

Bài 2: Tổng ba số là 2089. Tìm ba số đó. Biết số thứ nhất bằng số thứ $\frac{2}{3}$ và số thứ hai kém số thứ ba 145 đơn vị.

Bài 3: Tổng ba số là 2403. Tìm ba số đó. Biết số thứ nhất bằng số thứ $\frac{1}{4}$ và số thứ hai lớn hơn số thứ ba 162 đơn vị.

Bài 4: Tổng hai số là 312. Tìm ba số đó. Biết rằng nếu thêm số thứ nhất 43 đơn vị và bớt số thứ hai 19 đơn vị thì số thứ nhất bằng số thứ hai. $\frac{2}{5}$

Bài 5: Năm học này số học sinh khối Năm nhiều hơn số học sinh khối Bốn là 100 học sinh. Biết số học sinh khối Bốn $\frac{1}{5}$ bằng số học sinh khối Năm. Tìm $\frac{1}{9}$ số học sinh mỗi khối.

Bài 6: Hình chữ nhật có chu vi gấp 10 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 48m. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 7: Hình chữ nhật có nửa chu vi 86m. Nếu giảm chiều dài 9m và tăng chiều rộng thêm 5m thì được hình vuông . Tính diện tích hình chữ nhật.

Bài 8: Hình chữ nhật có chu vi 216m. Nếu giảm chiều rộng 5m và giảm chiều dài 21m thì được hình vuông. Tính diện tích hình vuông đó.

Bài 9: Khu vườn hình chữ nhật có nửa chu vi 108m. Nếu giảm chiều dài 3m và tăng chiều rộng thêm 3m thì được hình vuông . Tính diện tích hình vuông.

Bài 4: Có một sợi dây dài 1m2dm. không có thước đo trong tay, làm thế nào để cắt ra một đoạn dài 4dm5cm

Bài 5: Hãy tìm cách chia đều 3 quả cam cho 4 em với điều kiện cắt cam ít lần nhất ?

Bài 6: Tính giá trị biểu thức:

$$\frac{2 \times 4 + 2 \times 4 \times 8 + 4 \times 8 \times 16 + 8 \times 16 \times 32}{3 \times 4 + 2 \times 6 \times 8 + 4 \times 12 \times 16 + 8 \times 24 \times 32}$$

ĐỀ LUYỆN TẬP 11

Bài 1 : Trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Một phóng viên hỏi một sỹ quan về tổng số tù binh. Để giữ bí mật, chiến sỹ đó không nói cụ thể mà chỉ cho biết : Nếu số tù binh đó đem chia cho 4 rồi cộng với 4 ; rồi lại chia cho 4 lại cộng với 4 rồi lại chia cho 4 ; kết quả đem trừ đi 4 thì còn lại 4 . Em hãy tính xem có bao nhiêu tù binh .

Bài 2; Thay những con số tương ứng vào phép tính sau :

$$ALM - AL = MAL$$

Bài 3: Một người cha đi chơi với một người con, khi cha đi 4 bước thì con đi 5 bước . Sau 2700m con bước hơn cha 900 bước. Hãy tính chiều dài mỗi bước của cha và của con.

Bài 4: Một bút viết và một quyển vở giá 5000đồng , 2 bút viết giá đắt hơn 3 quyển vở là 1000đồng . Tính giá tiền một quyển vở, giá tiền 1 bút viết ?

Bài 5: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài gấp đôi chiều rộng. Nếu chiều dài tăng thêm 3 m , chiều rộng cũng tăng thêm 3 m thì diện tích tăng thêm 234m². Tính diện tích của thửa ruộng đó .

ĐỀ LUYỆN TẬP 12

Bài 1: Cho số abc và cab với a - b = 1 ; b - c = 2 . Số abc hơn số cab bao nhiêu đơn vị

Bài 2: Cho phép chia có trung bình cộng của số bị chia ; số chia và thương là 134. Nếu thêm vào số bị chia 60 đơn vị thì thương được tăng thêm 2 đơn vị. Tìm số bị chia, số chia và số thương của phép chia đó ?

Bài 3 : Tìm giá trị tự nhiên của X để biểu thức A có giá trị lớn nhất và giá trị lớn nhất của A là bao nhiêu ?

$$A = 2000 + 2003 : (X - 50)$$

Bài 4: Lớp 4A có 15 học sinh dự thi học sinh giỏi môn toán, các bạn đều được 6, 7, 8 và 9 điểm. Tổng số điểm đạt được của cả 15 bạn là 110 điểm. Trong đó có 2 bạn được điểm 9, số học sinh được điểm 6 = 1/2 số học sinh được điểm 7. Hỏi có bao nhiêu học sinh được điểm 8, bao nhiêu học sinh được điểm 7, bao nhiêu học sinh được điểm 6 ?

Bài 5: Cho 1 hình vuông, nối điểm chính giữa các cạnh của hình vuông thứ nhất với nhau ta được hình vuông thứ hai: nối điểm chính giữa của hình vuông thứ hai với nhau ta được hình vuông thứ ba: nối điểm chính giữa các cạnh của hình vuông thứ ba với nhau ta được hình vuông thứ tư. Biết hình vuông thứ tư có diện tích là 18 cm². Tính chu vi hình vuông thứ nhất ?



ĐỀ LUYỆN TẬP 13

Bài 1: Hãy điền dấu +; - ; x và dấu () vào giữa các chữ số

1 2 3 4 5 6 7 8 9

Để kết quả thu được là 100

Xét trường hợp chỉ dùng dấu + ; - và x

Bài 2: Cho một số có 3 chữ số trong đó hai chữ số đầu giống nhau, còn chữ số thứ ba là 5. Nếu lấy số đó chia cho số có một chữ số thì được số dư là 8. Tìm số đó ?

Bài 3: Tính tổng của dãy số sau:

$100 + 97 + 94 + 91 + \dots$. Biết số hạng cuối cùng của tổng đó là số nhỏ nhất có một chữ số khác 1 và chia cho 3 dư 1.

Bài 4: Lớp 4A trồng được một số cây gấp 3 lần số cây của lớp 3A trồng được. Nếu lớp 3A trồng thêm 10 cây và số cây của lớp 4A trồng giảm đi một nửa thì số cây của lớp 3A sẽ ít hơn số cây của lớp 4A là 30 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây ?

Bài 5: Một hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Nếu chiều dài bớt 3m, chiều rộng bớt 2m thì được một hình chữ nhật mới có chu vi gấp 10 lần chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó ?



ĐỀ LUYỆN TẬP 14

Bài 1: a/ Tính giá trị biểu thức sau bằng cách hợp lý:

$$\frac{2003 \times 2004 - 2001}{2002 \times 2003 + 2005}$$

b/ Tìm giá trị tự nhiên của X để biểu thức A có giá trị lớn nhất và giá trị lớn nhất của A là bao nhiêu:

$$A = 2000 + 2003 : (X - 50)$$

Bài 2: Tìm số trung bình cộng của các số:

$$1; \quad 2; \quad 6; \quad 10; \dots ; 28$$

Bài 3: Hiệu của hai số là 1985. Nếu lấy số lớn chia cho 10, số bé chia cho 5 thì thương thứ nhất lớn hơn thương thứ hai là 17 đơn vị. Tìm 2 số đó ?

Bài 4: Mẹ cho hai anh em mỗi người một số tiền để mua sách. Nếu anh cho em một số tiền bằng đúng số tiền hiện có của em, rồi em lại cho anh số tiền bằng đúng số tiền hiện còn lại của anh thì em có 35.000đ, anh có 30.000đ. Hỏi mẹ đã cho mỗi người bao nhiêu tiền ?

Bài 5: Cho hình chữ nhật ABCD. Nếu lấy chiều dài AB làm cạnh dựng hình vuông AMNB ta được hình chữ nhật MNCD có diện tích là 84cm^2 . Nếu lấy chiều rộng BC làm cạnh dựng hình vuông BEHC ta được hình chữ nhật AEHD có diện tích là 60cm^2 . Tính diện tích hình chữ nhật ABCD ?



ĐỀ LUYỆN TẬP 15

Bài 1: Tính nhanh:

$$\frac{1994 \times 1993 - 1992 \times 1993}{1992 \times 1993 + 1993 \times 7 + 1986}$$

Bài 2: Có một tổ ong thợ trong vườn hoa. Trong số chúng có $\frac{1}{2}$ đang đậu trên cây hoa nhài; $\frac{1}{3}$ đang đậu trên cây hoa huệ và có 1 con đang bay về cây hoa hải đường. Hỏi tổ ong thợ đó có tất cả bao nhiêu con ?

Bài 3: Trong một phép chia người ta tăng số bị chia thêm 52 đơn vị và tăng số chia thêm 4 đơn vị thì thương và số dư đều không đổi. Tìm thương của 2 số đó ?

Bài 4: Có bao nhiêu cách phân công 4 học sinh làm 4 công việc khác nhau :

Bài 5: Có một thửa ruộng hình vuông chu vi đó được 200m. Nay được chia thành 2 thửa hình chữ nhật mà chu vi thửa này bằng $\frac{2}{3}$ chu vi thửa kia. Tính diện tích của mỗi thửa ruộng hình chữ nhật đó ?



ĐỀ LUYỆN TẬP 16

Bài 1: a/Tích sau có chữ số tận cùng là chữ số nào ?

$$9 \times 19 \times 29 \times 39 \times \dots \times 189 \times 199$$

b/ Không tính kết quả cụ thể, hãy so sánh A và B. Biết

$$A = 106 \times 110;$$

$$B = 108 \times 108$$

Bài 2: Một số có 2 chữ số lớn hơn 8 lần chữ số hàng đơn vị của nó là 7. Tìm số đã cho ?

Bài 3: Tích của hai số là 4248. Ở thừa số thứ nhất có chữ số hàng đơn vị lớn hơn chữ số hàng trăm là 1. Nếu ta đổi chỗ hai chữ số này cho nhau và giữ nguyên thừa số thứ hai thì được tích mới là 5436. Tìm 2 thừa số ban đầu ?

Bài 4: Có 2 túi bi (A và B).

Lần 1: Chuyển từ túi A sang túi B một số bi bằng số bi hiện có của túi B rồi lại chuyển từ túi B sang túi A một số bi bằng số bi hiện còn lại của túi A.

Lần 2: Chuyển từ túi A sang túi B rồi lại chuyển từ túi B sang túi A như cách chuyển trên. Sau 2 lần chuyển túi A có 80 viên bi, túi B có 200 viên bi. Hỏi lúc đầu mỗi túi có bao nhiêu viên bi ?

Bài 5: Một sân phơi hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Nếu cắt bớt chiều dài đi 5m và tăng thêm chiều rộng lên 5m thì diện tích tăng thêm 35m^2 . Tính diện tích sân phơi đó ?



ĐỀ LUYỆN TẬP 17

Bài 1: Tìm X biết:

$$52 + 75 \times 4 = \frac{X + 225}{5} + 300$$

Bài 2: Thay các chữ số thích hợp vào chữ x và y để được một số chia hết cho 15: $7x8y$

Bài 3: Nếu hôm nay là thứ sáu ngày 20 / 2 / 2004. Hỏi 78 ngày sau kể từ ngày hôm nay là ngày bao nhiêu và là thứ mấy trong tuần ngày hôm đó có sự kiện lịch sử gì ?

Bài 4: Một đơn vị bộ đội chuẩn bị đủ lương thực cho bộ đội ăn trong 50 ngày. Vì có 35 người đến thêm nên số lương thực chỉ đủ ăn trong 40 ngày. Hỏi lúc đầu đơn vị đó có bao nhiêu người ?

Bài 5: Một sân phơi hình chữ nhật. Nếu chiều dài tăng thêm 4m, chiều rộng tăng thêm 3m thì diện tích được tăng thêm 312m^2 . Tính diện tích sân phơi đó ?



ĐỀ LUYỆN TẬP 18

Bài 1: Cho $M = 1 + 2 + 4 + 8 + \dots + 4096$

a/Nêu quy luật viết của M.

b/Nêu cách tính nhanh giá trị của M.

Bài 2: